

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC GIA LAI**  
Số: 07/2026/CBTT/GLW

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Gia Lai, ngày 10 tháng 04 năm 2026*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC GIA LAI**

Địa chỉ trụ sở: Số 388 Lý Thái Tổ, P. Diên Hồng, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (84.269) 3824094 Fax: (84.269) 3714288

Website: <http://www.capthoatnuocgialai.com>

Mã chứng khoán: GLW

Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ:

**Nội dung thông tin công bố:**

Công bố Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai (Đính kèm: Báo cáo thường niên)

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 10/04/2026 tại đường dẫn:

<http://www.capthoatnuocgialai.com>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

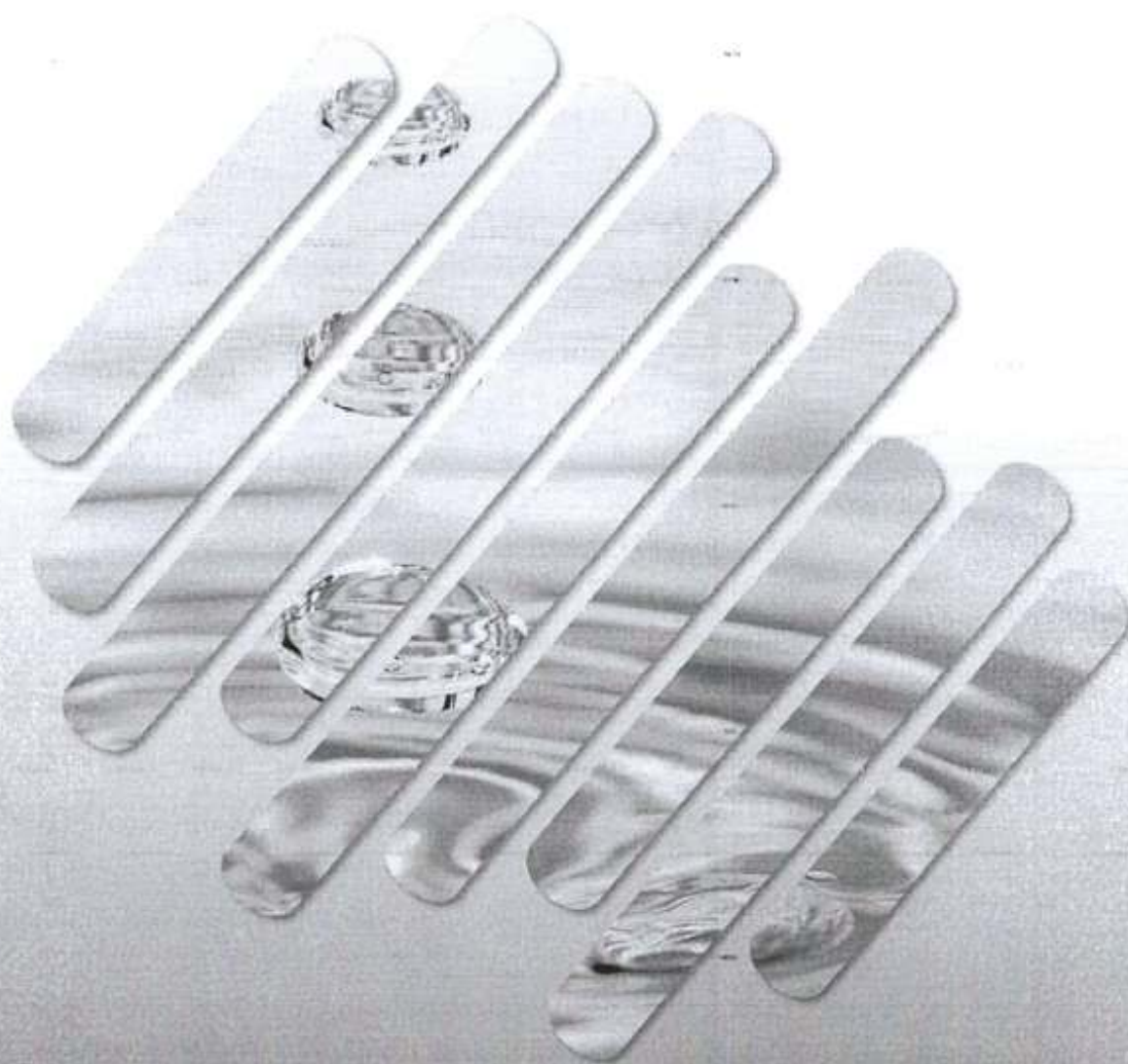
- Như trên;
- Lưu thư ký HĐQT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH**



Mã CP: GLW

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT  
NƯỚC GIA LAI



**2025**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

Gia Lai, ngày 10 tháng 4 năm 2026

M.S.D.





## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC GIA LAI

### BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

#### I. THÔNG TIN CHUNG

##### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai
- Tên tiếng Anh: Gia Lai Water Supply Sewerage Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Gia Lai Water
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900189614 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 01/11/2010, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 09/01/2024
- Vốn điều lệ: 180.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 180.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ: 388 Lý Thái Tổ, P.Diên Hồng, tỉnh Gia Lai, Việt Nam
- Số điện thoại: 02693 871 068
- Số fax: (0269) 3714 288
- Website: capthoatnuocgialai.com
- Mã cổ phiếu: GLW

##### Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày 21/10/1992, UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 23/QĐ – UB về việc thành lập Nhà máy nước Pleiku nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của người dân tại địa phương. Đây là tiền thân của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai.
- Ngày 13/6/1994 UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 572/QĐ – UB về việc đổi tên Nhà máy nước Pleiku thành Công ty Cấp thoát nước Gia Lai.
- Ngày 31/8/2010 UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 594/QĐ – UBND về việc phê duyệt đề án chuyển đổi doanh nghiệp Nhà Nước Công ty Cấp thoát nước Gia Lai thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước Gia Lai và Điều lệ tổ chức, hoạt động Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai.
- Ngày 10/3/2016, UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 160/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai thành Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai với mức vốn điều lệ là 180.000.000.000 đồng.

- Ngày 20/12/2016, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai tại Khách sạn Tre Xanh, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- Ngày 05/01/2017, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189614 thay đổi lần 2, chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty Cổ phần với vốn điều lệ 180.000.000.000 đồng.
- Ngày 08/01/2018, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai được chính thức giao dịch trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán GLW.
- Ngày 22/05/2018, Công ty thay đổi giấy phép kinh doanh lần thứ 5 với tên gọi là Cổ phần Cấp Thoát nước Gia Lai
- Ngày 23/05/2019, Công ty chuyển trụ sở về 388 Lý Thái Tổ, P. Diên Hồng, tỉnh Gia Lai.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

### a) Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất và phân phối nước sạch;	3600
2	Thi công lắp đặt đường ống cấp nước và cơ sở cấp nước;	4322
3	Mua bán vật tư thiết bị chuyên ngành cấp nước;	4663
4	Khảo sát thiết kế mạng lưới và công trình đầu mối cấp thoát nước	4290
5	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;	4321
6	Giám sát các công trình cấp nước;	4329
7	Thiết kế kết cấu công trình dân dụng – Công nghiệp	3320

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai hiện đang cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu sau:

- Sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất kinh doanh tại Pleiku và Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
- Thi công lắp đặt đường ống cấp nước và cơ sở cấp nước.
- Khảo sát thiết kế mạng lưới và công trình đầu mối cấp thoát nước quy mô nhỏ.
- Hiện tại, nguồn nước của công ty được cung cấp từ hai nhà máy:

**Khu vực Pleiku:** Phân xưởng sản xuất nước Biển Hồ với công suất thiết kế là 20.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và Nhà máy nước Sài Gòn-Pleiku với công suất thiết kế 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm

**Khu vực Ayun Pa:** Nhà máy nước Ia Rbol với công suất thiết kế là 8.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm

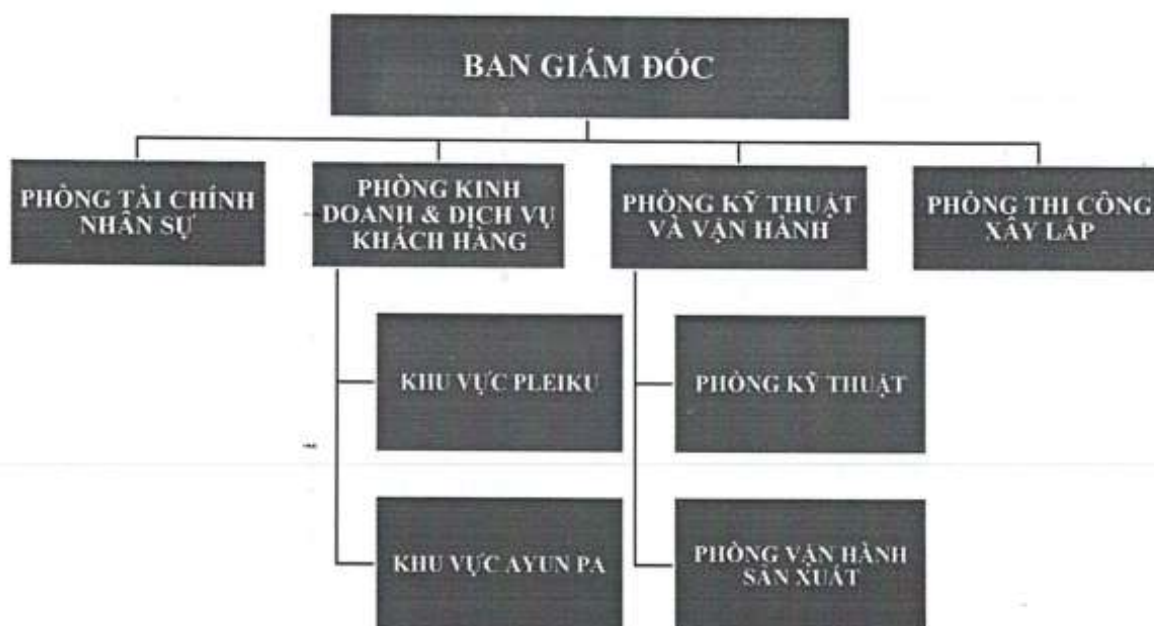
**Địa bàn kinh doanh:** Công ty đang cung cấp nước tại địa bàn khu vực Pleiku và khu vực Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty Cổ phần, tuân thủ theo Điều lệ hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/08/2021.

**Mô hình quản trị:** Mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai thực hiện theo quy chế quản lý nội bộ ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/05/2018. Theo đó, quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty.

**Cơ cấu bộ máy quản lý:** Bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng dựa trên chức năng nhiệm vụ của các bộ phận đảm bảo liên kết chặt chẽ, vận hành linh hoạt và phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty. Sơ đồ bộ máy tổ chức của Công ty như sau





STT	Họ và tên	Chức vụ
<b>A. Hội đồng quản trị</b>		
1	Ông Hà Phước Tuấn	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT
3	Hồ Ánh Hồng	Thành viên HĐQT
4	Lê Văn Luyện	Thành viên HĐQT
5	Trịnh Ba Duy	Thành viên HĐQT
<b>B. Ban kiểm soát</b>		
1	Hồ Thị Xuân	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Lê Huy Hoàng	Kiểm soát viên
3	Nguyễn Thị Quỳnh	Kiểm soát viên
<b>C. Ban điều hành</b>		
1	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Đình Vinh	Phó Tổng Giám đốc
3	Phạm Xuân Hào	Phó Tổng Giám đốc
4	Trịnh Ba Duy	Phó Tổng Giám đốc
5	Trương Thị Thành	Kế toán trưởng

#### Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

- Ông Hà Phước Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị:

<b>Họ và tên:</b> Hà Phước Tuấn				
<b>Nơi sinh:</b> Quế Châu, Quế Sơn, Quảng Nam				
<b>Ngày sinh:</b> 19/2/1984				
<b>Nơi đăng ký HKTT:</b> 29 Phạm Phú Tiết, Khuê Trung, Cẩm Lệ, Đà Nẵng				
<b>Trình độ chuyên môn:</b> Cử nhân Tài chính – Ngân hàng				
<b>Số lượng cổ phần sở hữu:</b>	<b>4.820.900</b>	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	<b>26,78</b>	<b>%</b>
- Sở hữu cá nhân:	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0	%
- Sở hữu đại diện Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước:	4.820.900	cổ phần, chiếm tỷ lệ	26,78	%

- Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh – Thành viên Hội đồng quản trị

<b>Họ và tên:</b> Nguyễn Thị Hồng Hạnh				
<b>Nơi sinh:</b> Gia Lai				
<b>Ngày sinh:</b> 07/01/1980				
<b>Nơi đăng ký HKTT:</b> 856 Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh				
<b>Trình độ chuyên môn:</b> Thạc sỹ Quản trị kinh doanh				
<b>Số lượng cổ phần sở hữu:</b>	<b>4.590.000</b>	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	<b>25,5</b>	<b>%</b>
- Sở hữu cá nhân:	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0	%
- Sở hữu đại diện Công ty Cổ phần Hạ Tầng nước Sài Gòn :	4.590.000	cổ phần, chiếm tỷ lệ	25,5	%

- Ông Hồ Ánh Hồng – Thành viên Hội đồng quản trị:

<b>Họ và tên:</b> Hồ Ánh Hồng				
<b>Nơi sinh:</b> Pleiku, Gia Lai				
<b>Ngày sinh:</b> 18/01/1989				
<b>Nơi đăng ký HKTT:</b> 334 Trường Chinh, P.Hội Phú, Gia Lai				
<b>Trình độ chuyên môn:</b> Cử nhân Hệ thống thông tin quản lý				
<b>Số lượng cổ phần sở hữu:</b>	<b>3.619.300</b>	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	<b>20</b>	<b>%</b>
- Sở hữu cá nhân:	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0	%
- Sở hữu đại diện Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước:	3.600.000	cổ phần, chiếm tỷ lệ	20	%

- Ông Lê Văn Luyện – Thành viên Hội đồng quản trị:

<b>Họ và tên:</b> Lê Văn Luyện				
<b>Nơi sinh:</b> Hà Nam				
<b>Ngày sinh:</b> 01/01/1973				
<b>Nơi đăng ký HKTT:</b> Số 11 Tổ 25 Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội				
<b>Trình độ chuyên môn:</b> Thạc sỹ Quản trị kinh doanh quốc tế				
<b>Số lượng cổ phần sở hữu:</b>	<b>4.590.000</b>	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	<b>25,5</b>	<b>%</b>

- Sở hữu cá nhân:	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0	%
- Sở hữu đại diện Công ty Cổ phần Hạ Tầng nước Sài Gòn	4.590.000	cổ phần, chiếm tỷ lệ	25,5	%

- Ông Trịnh Ba Duy – Thành viên Hội đồng quản trị:

<b>Họ và tên:</b> Trịnh Ba Duy			
<b>Nơi sinh:</b> Hà Nội			
<b>Ngày sinh:</b> 24/09/1985			
<b>Nơi đăng ký HKTT:</b> Số 1, tổ 1, Phố Phúc Xá, Phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, Hà Nội			
<b>Trình độ chuyên môn:</b> Kỹ sư Cấp thoát nước			
<b>Số lượng cổ phần sở hữu:</b>	0	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	0 %
- Sở hữu cá nhân:	0	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	0 %
- Sở hữu đại diện:	0	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	0 %

#### 4. Định hướng phát triển.

- Tập trung phát triển ngành nghề kinh doanh chính là cấp nước sạch. Công ty kết hợp với các cơ quan Nhà nước phát triển mạng lưới theo các dự án phát triển đô thị tại Pleiku và Ayun Pa tiến đến mục tiêu 100% hộ dân trên địa bàn được sử dụng nước sạch.
- Đảm bảo cấp nước 24/24 giờ đảm bảo nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ theo các tiêu chuẩn của Nhà nước cho các khách hàng trên địa bàn quản lý.
- Cải tạo nhà máy, các trạm bơm tăng áp, thay thế các đường ống sắt bằng đường ống HDPE nhằm giảm lượng thất thoát, tăng công suất đảm bảo cấp nước cho khách hàng.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và trong công tác sản xuất kinh doanh.
- Đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng dân cư trong địa bàn thông qua các hoạt động tình nguyện, hoạt động từ thiện.

#### 5. Các rủi ro

Rủi ro đầu tư:



Năm 2025 tiếp tục là một năm có nhiều biến động và khó khăn chung của nền kinh tế trong bối cảnh hậu dịch bệnh, chi phí đầu vào tăng cao, áp lực lạm phát vẫn hiện hữu và tốc độ giải ngân đầu tư công còn chậm. Đối với Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai, những yếu tố này đã ảnh hưởng đến toàn bộ chuỗi hoạt động sản xuất – đầu tư – kinh doanh.

Gia Lai là tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên có tiềm năng lớn trong phát triển nông – lâm nghiệp, xây dựng nông thôn mới và phát triển đô thị. Ngành cấp nước giữ vai trò then chốt trong việc bảo đảm hạ tầng thiết yếu phục vụ đời sống và sản xuất.

Tuy nhiên, Công ty vẫn đang đối mặt với một số khó khăn:

- Giá cả vật tư, thiết bị và nhân công phục vụ thi công, vận hành tăng mạnh, ảnh hưởng đến tiến độ và chi phí đầu tư.
- Nhiều hộ dân ở khu vực vùng ven, nông thôn vẫn duy trì thói quen sử dụng nước giếng, khiến mức tăng trưởng khách hàng mới còn chậm, gây khó khăn cho việc thu hồi vốn đầu tư.
- Các dự án của Công ty chủ yếu tập trung tại Khu vực Pleiku, do đó chịu tác động trực tiếp từ chính sách đầu tư và điều kiện phát triển kinh tế địa phương.
- Đặc thù ngành cấp nước có chu kỳ thu hồi vốn dài, yêu cầu vốn đầu tư lớn, tạo áp lực lên dòng tiền và khả năng tái đầu tư.

### **Rủi ro đặc thù ngành**

Nguồn tài nguyên nước là điều kiện quyết định đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của một địa phương. Nước là sản phẩm thiết yếu trong đời sống sinh hoạt của người dân đồng thời phục vụ cho các hoạt động tưới tiêu, sản xuất công nghiệp. Do đó, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai có tiềm năng rất lớn để phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh nhờ vào nhu cầu sử dụng nước sạch của địa phương được dự báo ngày một tăng.

Nguồn nguyên liệu đầu vào để sản xuất nước sạch chủ yếu là nguồn nước mặt tự nhiên. Sự thay đổi về chất lượng cũng như lưu lượng nước thô ảnh hưởng rất lớn tới quy trình xử lý nước của công ty. Bên cạnh đó, Công ty phải thực hiện những chính sách về giá nước của cơ quan quản lý, đòi hỏi Ban lãnh đạo Công ty phải nỗ lực kiểm soát chi phí để kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Hoạt động cung cấp nước thông qua hệ thống đường ống được lắp đặt dưới mặt đất gây khó khăn làm trở ngại trong việc phát hiện rò rỉ nước gây thất thoát cho Công ty. Bên cạnh đó, việc cung cấp nước sạch tại một số khu dân cư không tập trung, thưa thớt, mật độ thấp nên cần nhiều chi phí để đầu tư vào hệ thống ống dẫn nhưng sản lượng tiêu thụ thấp, gây áp lực đáng kể trong việc kiểm soát chi phí của Công ty.

### **Rủi ro môi trường**

Công ty luôn đề cao trách nhiệm bảo vệ môi trường và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định trong hoạt động khai thác và kinh doanh nước sạch. Việc khai thác nguồn nước được thực hiện trên nguyên tắc tiết kiệm, hợp lý và bền vững nhằm đảm bảo cân bằng tài nguyên nước cho các thế hệ tương lai. Tuy nhiên, biến đổi khí hậu, ô nhiễm nguồn nước và hoạt động khai thác không kiểm soát của một số tổ chức/cá nhân trong khu vực có thể là những nguy cơ tiềm ẩn ảnh hưởng đến chất lượng và trữ lượng nguồn nước của địa phương.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2024	2025		So sánh	
			Thực hiện	Kế hoạch	TH 2025/TH 2024	TH 2025/KH 2025
Sản lượng tiêu thụ nước sạch	m <sup>3</sup>	7.619.103	7.663.057	8.141.617	100,58%	94,12%
Giá bình quân	đồng	8.511	8.474	8.512	99,57%	99,55%
Tỷ lệ thất thoát	%	31,2%	25,4%	26,5%	81,33%	95,55%
<b>TỔNG DOANH THU</b>	Tỷ đồng	<b>74,55</b>	<b>77,16</b>	<b>81,29</b>	<b>103,50%</b>	<b>94,92%</b>
Doanh thu nước sạch	Tỷ đồng	64,84	64,94	69,30	100,14%	93,70%
Doanh thu xây lắp, doanh thu khác	Tỷ đồng	9,70	12,22	11,99	125,95%	101,97%
<b>TỔNG CHI PHÍ</b>	Tỷ đồng	<b>58,87</b>	<b>59,88</b>	<b>64,14</b>	<b>101,72%</b>	<b>93,37%</b>

Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2024	2025		So sánh	
			Thực hiện	Kế hoạch	TH 2025/TH 2024	TH 2025/KH 2025
Chi phí trực tiếp	Tỷ đồng	36,41	36,29	39,58	99,67%	91,69%
Chi phí gián tiếp	Tỷ đồng	10,70	11,06	11,60	103,37%	95,28%
Chi phí khấu hao	Tỷ đồng	11,75	12,53	12,96	106,61%	96,70%
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	0,00		0,00		0,00%
Chi phí khác	Tỷ đồng	0,01	0,01	0,00		0,00%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Tỷ đồng	<b>15,68</b>	<b>17,27</b>	<b>17,15</b>	<b>110,18%</b>	<b>100,70%</b>
Chi phí thuế TNDN	Tỷ đồng	3,23	3,52	3,48	108,78%	101,12%
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	Tỷ đồng	<b>12,44</b>	<b>13,75</b>	<b>13,67</b>	<b>110,55%</b>	<b>100,60%</b>

- Năm 2025, Công ty duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt được kết quả tích cực. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 13,75 tỷ đồng, tăng 10,55% so với thực hiện năm 2024 và đạt 100,6% so với kế hoạch năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Tổng doanh thu của Công ty đạt 77,16 tỷ đồng, tương đương 94,92% kế hoạch năm. Do điều kiện thời tiết trong năm có nhiều đợt mưa kéo dài làm giảm nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của người dân;
- Về chi phí, tổng chi phí thực hiện năm 2025 đạt 59,88 tỷ đồng, bằng 93,36% so với kế hoạch năm. Trong năm, Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tăng cường quản lý chi phí, tiết kiệm chi phí gián tiếp, tối ưu vận hành hệ thống cấp nước, kiểm soát tiêu hao điện năng và các chi phí quản lý, nhờ đó tổng chi phí được kiểm soát thấp hơn kế hoạch, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận đã đề ra.

## 2. Hoạt động quản lý điều hành



Năm 2025, Ban điều hành Công ty luôn bám sát kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông đề ra, linh hoạt thực hiện các chiến lược đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, cụ thể:

- Thực hiện tốt các công tác vận hành đảm bảo sản xuất và cung cấp nước 24/7.
- Quản lý chặt chẽ nguồn lực tài chính nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn.
- Kết hợp với ban ngành dọc của Công ty mẹ DNPW thực hiện chuyển đổi số toàn diện, áp dụng công nghệ thông tin cho các hoạt động quản lý sản xuất và quản lý khách hàng.
- Thực hiện thiết lập DMA tại khu vực Pleiku phục vụ công tác chống thất thoát. Thành lập tổ chống thất thoát, xây dựng các phương án và đánh giá hiệu quả giảm tỷ lệ thất thoát tại công ty để tiếp tục triển khai trên toàn mạng năm 2025; thực hiện thay đồng hồ hư mờ hết niên hạn; di dời và mở rộng đường ống cấp nước và cải tạo trạm bơm nước thô tại Nhà máy Ia Rbol như kế hoạch đã đề ra.
- Đảm bảo chế độ tiền lương, thưởng cho người lao động, tạo điều kiện máy móc thiết bị làm việc cho tất cả các bộ phận trong Công ty.

### 3. Tổ chức và nhân sự

\* Danh sách Ban điều hành

Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

- Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh – Tổng Giám đốc

Như đã trình bày ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

- Ông Trịnh Ba Duy – Phó Tổng Giám đốc

Như đã trình bày ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Đình Vinh – Phó Tổng Giám đốc

<b>Họ và tên: Nguyễn Đình Vinh</b>			
<b>Nơi sinh:</b> Hồ Chí Minh			
<b>Ngày sinh:</b> 25/10/1963			
<b>Nơi đăng ký HKTT:</b> 132 Cách mạng Tháng 8, P. Hoa Lư, Khu vực Pleiku			
<b>Trình độ chuyên môn:</b> Cử nhân kinh tế ngành quản trị kinh doanh			
<b>Số lượng cổ phần sở hữu:</b>	<b>0</b>	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	<b>0,06 %</b>
- Sở hữu cá nhân:	11.200	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,06 %
- Sở hữu đại diện:	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0 %

- Ông Phạm Xuân Hào – Phó Tổng Giám đốc

<b>Họ và tên:</b> Phạm Xuân Hào			
<b>Nơi sinh:</b> Tân Yên – Ngọc Thiên – Bắc Giang			
<b>Ngày sinh:</b> 25/05/1987			
<b>Nơi đăng ký HKTT:</b> 401/11 Phạm Văn Đồng - Thống Nhất - Gia Lai			
<b>Trình độ chuyên môn:</b> Kỹ Sư Kỹ Thuật Môi Trường			
<b>Số lượng cổ phần sở hữu:</b>	<b>0</b>	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	<b>0 %</b>
- Sở hữu cá nhân:	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0 %
- Sở hữu đại diện:	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0 %

- Bà Trương Thị Thành – Kế toán trưởng

<b>Họ và tên:</b> Trương Thị Thành			
<b>Nơi sinh:</b> Gia Lai			
<b>Ngày sinh:</b> 08/03/1987			
<b>Nơi đăng ký HKTT:</b> Xã Nghĩa Hưng – Huyện ChưPăh – Tỉnh Gia Lai			
<b>Trình độ chuyên môn:</b> Đại học Tài chính – Kế toán			
<b>Số lượng cổ phần sở hữu:</b>	<b>0</b>	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	<b>0 %</b>
- Sở hữu cá nhân:	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0 %
- Sở hữu đại diện:	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0 %

Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

Số lượng cán bộ, nhân viên:

Cơ cấu người lao động tại ngày 31/12/2025

TT	Chỉ tiêu	Số lượng (31/12/2025)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Phân theo trình độ lao động</b>	<b>94</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ Đại học	32	34,04%
2	Trình độ Cao đẳng	11	11,70%
3	Trình độ Trung cấp	12	12,77%
4	Trình độ khác (bậc thợ)	39	41,49%
<b>II</b>	<b>Phân theo hợp đồng lao động</b>	<b>94</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	90	95,83%
2	Hợp đồng có thời hạn	4	4,17%

## **Chế độ làm việc**

### ***Thời gian làm việc:***

Trên cơ sở quy định chung của Bộ luật Lao động, Công ty tổ chức làm việc tối đa 48 giờ/tuần. Nhân viên khu vực, Công nhân lắp đặt, sửa chữa được hưởng lương theo năng suất làm việc. Tuy nhiên, khi có yêu cầu đáp ứng tiến độ các công trình, nhân viên sẽ làm thêm giờ và công ty có chính sách đảm bảo quyền lợi, cũng như đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động, đồng thời tuân thủ các quy định của Bộ luật Lao động.

Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và nghỉ phép theo đúng quy định của Bộ luật Lao động.

### ***Điều kiện làm việc:***

Công ty đã trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị cho các phòng làm việc, bố trí phòng làm việc một cách khoa học nhằm tạo điều kiện để cán bộ, công nhân viên được làm việc trong văn phòng, nhà xưởng khang trang, thoáng mát.

Ngoài ra, đối với lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các quy chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất

## **Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp, phúc lợi**

### ***Chính sách tuyển dụng, đào tạo***

Nguồn nhân lực chất lượng cao đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững của Công ty. Trong đó, Công ty đánh giá cao tầm quan trọng của công tác tuyển dụng trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm, Công ty tiến hành dự báo và lập kế hoạch tuyển dụng. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng xây dựng quy trình tuyển dụng cùng với yêu cầu công việc sao cho phù hợp với từng vị trí. Bên cạnh đó, Công ty cũng có chính sách ưu tiên xem xét điều chuyển và nâng mức thu nhập cho ứng viên nội bộ dựa vào năng lực thực hiện công việc.

Công ty đầu tư phần mềm và các trang thiết bị nhằm nâng cao công tác quản lý và tiện ích cho khách hàng. Công ty tổ chức đào tạo cho nhân viên ghi chỉ số nước thích nghi và sử dụng được các phần mềm bằng điện thoại thông minh. Hướng dẫn và đào tạo cho nhân viên thu tiền nước bằng xây dựng App đi thu và gạch nợ online.



Công ty thường xuyên tổ chức những chương trình tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng, tay nghề cho công nhân kỹ thuật đồng thời nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ, kỹ sư. Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công nhân viên được học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, đóng góp sáng kiến vào quá trình sản xuất kinh doanh,... Hơn nữa, Công ty còn tổ chức các chương trình tập huấn cập nhật các quy định mới về pháp luật, an toàn lao động, hay tổ chức diễn tập Phòng chống cháy nổ, sơ cấp cứu,...

#### ***Chính sách lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi***

Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng rõ ràng, minh bạch, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người, đồng thời đảm bảo đầy đủ mọi quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của Pháp luật.

Công ty thực hiện chính sách thưởng định kỳ vào cuối năm cho tập thể cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, đối với những cá nhân, tập thể có đóng góp xuất sắc, Công ty cũng có chính sách thưởng đột xuất xứng đáng.

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty đảm bảo trích nộp các khoản bảo hiểm đúng thời hạn và 100% người lao động được đóng các khoản bảo hiểm thực hiện theo quy định của pháp luật. Hàng năm, các Tổ chức Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ, hoạt động vui chơi cho các cháu, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty nâng cao tinh thần, rèn luyện sức khỏe.

#### ***Mức lương bình quân tính đến ngày 31/12/2025 (VNĐ)***

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2024	2025/ 2024
Tổng số lượng	- Người	94	108	-12,96%
Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	12.664.000	9.820.000	28,96%

#### **4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.**

##### **a) Các khoản đầu tư năm 2025**

- Trong năm 2025, Công ty đã triển khai nhiều hạng mục đầu tư nhằm cải tạo, nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước với tổng giá trị thực hiện khoảng 32,6 tỷ (Kế hoạch tổng đầu tư 38,7 tỷ đồng), đạt khoảng 84% kế hoạch. Các nội dung đầu tư chủ

yếu tập trung vào thay thế, di dời đồng hồ; cải tạo và mở rộng mạng lưới cấp nước; thiết lập DMA để giảm thất thoát; sửa chữa, nâng cấp nhà máy và trạm bơm.

- Một số hạng mục có giá trị thực hiện cao hơn kế hoạch như mở rộng mạng lưới và giảm thất thoát nước, trong khi một số hạng mục triển khai chậm hoặc chưa thực hiện (như mở rộng mạng lưới tại Chư Á, An Phú) do vướng mắc trong công tác chuẩn bị đầu tư và điều kiện thực tế.

#### **b) Kế hoạch đầu tư năm 2026**

- Năm 2026, Công ty dự kiến triển khai kế hoạch đầu tư với tổng mức khoảng 61,79 tỷ đồng, tập trung vào các nhóm nhiệm vụ chính: thay thế, di dời và quản lý đồng hồ; cải tạo, thay thế và mở rộng mạng lưới cấp nước tại Pleiku và Ayun Pa; thiết lập DMA và giảm thất thoát nước; nâng cấp, sửa chữa và thay thế thiết bị tại nhà máy, trạm bơm, đặc biệt là khu vực Nhà máy nước Biển Hồ; đồng thời đầu tư một số hạng mục phụ trợ nhằm nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống.
- Kế hoạch đầu tư được xây dựng phù hợp với nhu cầu phát triển hệ thống cấp nước, định hướng chính trang đô thị và khả năng cân đối tài chính của Công ty, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

#### **c) Các hoạt động khác năm 2025**

- Công ty cơ bản hoàn thành kế hoạch phát triển khách hàng mới, đạt 97% so với kế hoạch; lũy kế đạt 42.078 khách hàng.
- Thúc đẩy mạnh phân vùng tách mạng. Tiếp tục mở rộng ứng dụng tự động hóa vận hành mạng lưới
- Thất thoát mạng lưới năm 2025 bình quân 25.4% (KH 26.53%); Công ty tiếp tục triển khai thiết lập DMA và thực hiện giảm thất thoát tại địa bàn cấp nước TP. Pleiku (cũ).
- Tiếp tục nâng mức độ chuyển đổi số, mở rộng từ dịch vụ khách hàng, vận hành nhà máy, vận hành mạng lưới, quản lý tài sản sang quản lý công việc, quản lý ngân sách và dự án cho đến tổ chức nhân sự - chính sách thu nhập & chi trả lương
- Cơ bản hoàn thành chuyển đổi ngành dọc ONE DNPW; tiếp tục tinh gọn và từng bước hoàn thiện quy trình quy chế; theo dõi và tối ưu dựa vào số liệu từ ứng dụng chuyển đổi số

d) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

## 5. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2025 (triệu đồng)	Năm 2024 (triệu đồng)	% tăng giảm
Tổng tài sản	213.187	207.081	2,95%
Doanh thu thuần	72.892	71.834	1,47%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.430	14.250	1,26%
Lợi nhuận khác	2.842	1.426	99,30%
Lợi nhuận trước thuế	17.272	15.676	10,18%
Lợi nhuận sau thuế	13.755	12.443	10,55%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	Do DIICD Thường niên 2026 Quyết định	5%	-

### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2024
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,2	4,9
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,8	4,5
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	5,80%	4,40%
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	6,20%	4,60%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	15,3	18,8
Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,36	0,36
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	18,90%	17,30%
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	6,90%	6,30%
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	6,50%	6,00%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh	%	19,80%	19,80%

### Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán giảm nhẹ nhưng vẫn ở mức an toàn. Mặc dù giảm, các hệ số vẫn duy trì ở mức an toàn, đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ ngắn hạn của Công ty.



### **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**

Công ty tiếp tục duy trì chính sách đầu tư chủ yếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, nợ chiếm tỷ trọng rất thấp.

### **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**

Hàng tồn kho được kiểm soát tốt, phản ánh qua vòng quay tồn kho cao. Tài sản được sử dụng hiệu quả hơn. Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các hóa chất dùng để xử lý nước như Clor, PAC và các công cụ dụng cụ phục vụ cho việc lắp đặt, sửa chữa đường ống.

### **Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi**

Nhờ doanh thu tăng mạnh và chi phí được kiểm soát tốt, biên lợi nhuận tăng trưởng mạnh so với năm 2024. Nhìn chung, các chỉ tiêu sinh lời của Công ty có xu hướng tăng trưởng tích cực, đảm bảo hiệu quả hoạt động và lợi ích cho cổ đông.

### **KẾT LUẬN ĐÁNH GIÁ**

Trong năm 2025, Công ty duy trì:

- + Thanh khoản an toàn dù có xu hướng giảm
- + Cơ cấu vốn rất lành mạnh (gần như không vay nợ)
- + Hiệu quả hoạt động ổn định
- + Khả năng sinh lời cải thiện rõ rệt

Các chỉ tiêu tài chính phản ánh Công ty đang vận hành theo hướng an toàn – hiệu quả – bền vững, phù hợp với đặc thù ngành cấp nước.

### **6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

#### **\* Cổ phần**

- Số cổ phiếu đã phát hành: 18.000.000 cổ phiếu
- Cổ phiếu phổ thông: 18.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 18.000.000 cổ phiếu
- Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 164.700 cổ phiếu. Lý do hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng cán bộ công nhân viên Công ty mua cổ phiếu với giá ưu đãi theo cam kết làm việc theo hợp đồng và cam kết làm việc lâu dài sau khi chuyển sang Công ty Cổ phần.

#### **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai đi vào hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 05/01/2017 với mức vốn điều lệ là 180.000.000.000 đồng. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không thực hiện phát hành để tăng vốn điều lệ.

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

**Các chứng khoán khác:** Không có

**Cơ cấu cổ đông tại ngày 18/3/2026:**

TT	Cổ đông	Số lượng cổ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>147</b>	<b>17.999.700</b>	<b>100,00%</b>
1	Tổ chức	2	17.600.900	97,78%
2	Cá nhân	145	398.800	2,22%
<b>II</b>	<b>Ngoài nước</b>		<b>300</b>	<b>0,00%</b>
3	Tổ chức	0	0	0%
4	Cá nhân	1	300	0,002%
	<b>Tổng</b>	<b>148</b>	<b>18.000.000</b>	<b>100%</b>

## **7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

### **a) Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

Trong năm 2025, Công ty chi khoảng 1,067 tỷ đồng cho việc mua các hóa chất dùng để xử lý nước như: clor, PAC, phèn,... Khoảng chi phí này chiếm 2% tổng chi phí của Công ty.

Công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu hiệu quả và lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng dân cư. Ngoài ra, Công ty cũng có những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý nước, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống và sức khỏe người tiêu dùng.

### **b) Tiêu thụ năng lượng**

Nguồn năng lượng được sử dụng chủ yếu trong quá trình hoạt động của Công ty là điện năng dùng để vận hành hệ thống xử lý nước, các trạm bơm và hoạt động tại các văn phòng công ty.

Số tiền chi trả cho các nguồn năng lượng trên trong năm 2025 là 6,5 tỷ đồng. Để nâng cao nhận thức cho cán bộ, công nhân viên Công ty về sử dụng năng lượng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu tác động đến môi trường, Công ty đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm khuyến khích người lao động đóng góp sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Để tiết kiệm điện năng công ty đã thực hiện:

- Cải tạo hệ thống thiết bị của các Nhà máy sản xuất nước, giảm tỷ lệ thất thoát điện năng và qua đó giảm chi phí sản xuất nước sạch
- Lắp đặt tủ điện biến tần cho các máy bơm
- Lựa chọn các sản phẩm tiết kiệm điện



- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị để nâng cao hiệu suất hoạt động của máy

#### **c) Tiêu thụ nước:**

Với đặc thù của ngành cấp nước, nước vừa là đầu vào trong quá trình sản xuất vừa là sản phẩm đầu ra của Công ty. Nguồn nước được GIA LAI WATER lấy chủ yếu từ Biển hồ (Địa bàn Pleiku) và đập tràn Ia Rbol (Địa bàn Ayun Pa), sau quá trình xử lý lắng, lọc nước, diệt khuẩn,... nguồn nước thành phẩm được bơm đến người sử dụng thông qua hệ thống đường ống.

GIA LAI WATER luôn chú trọng đến chất lượng nước được sản xuất ra, thường xuyên tiến hành xét nghiệm mẫu nước và đảm bảo đạt được các tiêu chuẩn trong QCVN 02:2009/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.

#### **d) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường và không để xảy ra bất kỳ trường hợp vi phạm nào.

#### **e) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng địa phương**

Bên cạnh các mục tiêu kinh doanh gắn liền với lợi ích của người lao động và cổ đông, Công ty cũng ý thức chia sẻ trách nhiệm với sự phát triển của cộng đồng.

Công ty tích cực tham gia các phong trào tình nguyện và các chương trình từ thiện tại địa phương nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng dân cư xung quanh địa bàn Công ty hoạt động. Bên cạnh đó, Công ty cũng chung tay với cả nước trong các hoạt động từ thiện, hỗ trợ đồng bào vùng bão lũ, thiên tai, và các hoạt động hướng về biển đảo quê hương.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2025 Hoạt động sản xuất, cung cấp nước sạch được duy trì liên tục, an toàn, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân và các tổ chức trên địa bàn;

Doanh thu và lợi nhuận tiếp tục tăng trưởng so với năm 2024, phản ánh hiệu quả của công tác điều hành, kiểm soát chi phí và khai thác tốt công suất hệ thống;

Công tác giảm thất thoát nước tiếp tục được chú trọng thông qua việc mở rộng thiết lập DMA, tăng cường kiểm soát mạng lưới và ứng dụng công nghệ trong quản lý vận hành;

Hiệu quả sử dụng lao động được cải thiện, năng suất lao động tăng, thu nhập người lao động được duy trì và từng bước nâng cao;

Công tác đầu tư, sửa chữa – nâng cấp hạ tầng cấp nước được triển khai theo kế hoạch, tạo nền tảng cho phát triển ổn định, lâu dài.



Bên cạnh các kết quả đạt được, Công ty vẫn đối mặt với một số khó khăn như: tỷ lệ thất thoát nước còn ở mức cao; sản lượng tiêu thụ, doanh thu chưa đạt so với kế hoạch do ảnh hưởng của điều kiện thời tiết và biến động nhu cầu sử dụng nước; áp lực chi phí đầu vào và chi phí đầu tư lớn; yêu cầu ngày càng cao về chuyển đổi số và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng..

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

(ĐVT: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	% Tăng/giảm
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>27,513</b>	<b>44,33</b>	<b>62,10%</b>
- Tiền và các khoản tương đương	20,064	21,563	93,10%
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	0,5	16,27	3,10%
- Các khoản phải thu ngắn hạn	1,724	2,478	69,50%
- Hàng tồn kho	3,915	3,821	102,50%
- Tài sản ngắn hạn khác	1,31	0,198	661,60%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>185,674</b>	<b>162,751</b>	<b>114,10%</b>
- Tài sản cố định	177,731	157,732	112,70%
- Tài sản dở dang dài hạn	2,211	0,427	517,60%
- Tài sản dài hạn khác	5,71	4,592	124,30%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>213,187</b>	<b>207,081</b>	<b>102,90%</b>

### b) Tình hình nợ phải trả

(ĐVT: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	Tỷ lệ %
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>12,375</b>	<b>9,06</b>	<b>136,60%</b>
- Phải trả người bán ngắn hạn	3,513	2,411	145,70%
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	0,009	0,006	140,80%
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà	3,587	3,802	94,40%
- Phải trả người lao động	3,316	2,026	163,70%
- Chi phí phải trả ngắn hạn	0,538	0,471	114,20%
- Phải trả ngắn hạn khác	0,036	0,267	13,50%
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	0	0	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1,376	0,077	1,687%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>12,375</b>	<b>9,06</b>	<b>136,60%</b>

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Công ty có những thay đổi trong cơ cấu tổ chức để phù hợp với hoạt động hiện tại và định hướng phát triển trong tương lai của Công ty:

- Công ty thực hiện tái cấu trúc hệ thống quản lý, xây dựng hệ thống lương khoán nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động và hiệu quả quản lý.
- Công ty tiếp tục xây dựng và ban hành áp dụng nhiều quy định, quy chế quản lý nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý; các hoạt động hợp tác trao đổi kỹ thuật, đầu tư, ứng dụng tiện ích của công nghệ thông tin đã bước đầu hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý và chăm sóc phục vụ khách hàng.
- Ban Giám đốc ban hành nội quy và quy chế lương theo năng suất, quy trình hoạt động của Công ty, giúp Công ty khắc phục tình trạng nợ đọng, xử lý tốt công tác cung cấp dịch vụ cho khách hàng, thực hiện khoán lương theo công việc giúp tăng năng suất lao động, cải thiện thu nhập cho người lao động, tăng doanh thu cho Công ty.
- Thay đổi chiến lược đầu tư, tập trung đầu tư chống thất thoát, mở rộng hệ thống nước tại tuyến đường có dân cư tập trung đông và có nhu cầu sử dụng nước sạch, trên cơ sở nguồn vốn tự có, không sử dụng vốn vay.
- Ban Giám đốc công ty đã điều chỉnh nhân sự các bộ phận cho phù hợp với chuyên môn của người lao động, tinh giảm biên chế.
- Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý Nhà nước để đồng hành phát triển mạng cấp nước sinh hoạt đến các khu dân cư thuộc địa bàn Công ty quản lý. Tuyên truyền sử dụng nước sạch từ nhà máy sản xuất tập trung, hạn chế và dần đi đến xóa bỏ sử dụng nước giếng để đảm bảo sức khỏe cho người dân, dần đi đến mục tiêu 100% dân cư trên địa bàn thành phố được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung.
- Cải tạo hệ thống thiết bị của các Nhà máy sản xuất nước, giảm tỷ lệ thất thoát điện năng và qua đó giảm chi phí sản xuất nước sạch.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

Năm 2026, Ban Điều hành Công ty xác định mục tiêu trọng tâm là tăng trưởng quy mô gắn với nâng cao hiệu quả vận hành, tập trung đầu tư hệ thống, giảm thất thoát và tối ưu chi phí nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh và lợi ích cổ đông trong điều kiện chi phí gia tăng và kế hoạch lợi nhuận ở mức thận trọng. Để đạt được các mục tiêu trên, Công ty đề ra các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Làm việc với các sở, ban, ngành đề trình UBND Tỉnh xem xét điều chỉnh giá bán lẻ nước sinh hoạt phù hợp với biến động chi phí và định hướng phát triển.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động, triển khai đồng bộ các giải pháp giảm thất thoát nước, tiết giảm chi phí sản xuất.



- Tổ chức thực hiện chương trình thay thế, di dời đồng hồ, kết hợp kiểm tra ghi thu nhằm giảm thất thoát thương mại và kỹ thuật.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác ghi thu, quản lý mạng lưới, quản lý đồng hồ và vật tư thiết bị, nâng cao hiệu quả quản lý.
- Triển khai các dự án đầu tư trọng điểm, tập trung mở rộng mạng lưới cấp nước, thiết lập DMA, cải tạo hệ thống và nâng cao năng lực nhà máy.
- Kiểm tra, bảo trì và thay thế thiết bị trạm bơm nhằm giảm tiêu hao điện năng và nâng cao hiệu suất vận hành.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện chủ trương hạn chế khai thác nước ngầm, chuyển dịch sang sử dụng nguồn nước mặt.
- Rà soát, hoàn thiện cơ chế tiền lương 3P và cơ chế khoán phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.
- Tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh theo đúng chỉ đạo của ĐHĐCĐ và HĐQT, đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm.

#### Kế hoạch kinh doanh năm 2026:

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh KH
Sản lượng tiêu thụ nước	m <sup>3</sup>	8.220.000	7.663.057	107,27%
Giá bình quân	đồng	8.474	8.474	100,00%
Tỷ lệ thất thoát	%	21,80%	25,40%	85,83%
<b>TỔNG DOANH THU</b>	Tỷ	81,42	72,89	111,70%
<b>TỔNG CHI PHÍ</b>	Tỷ	66,25	59,88	110,64%
Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh KH
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ	15,17	17,27	87,85%
Chi phí thuế TNDN	Tỷ	3,03	3,52	86,08%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	12,13	13,75	88,22%

#### Kế hoạch đầu tư năm 2026

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh 2025, kế hoạch chỉnh trang đô thị của TP. Pleiku, khả năng tài chính và nhu cầu phát triển mạng cấp nước tại Khu vực Pleiku. Ban điều hành đề xuất các hạng mục đầu tư trong năm 2026 nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giảm tỷ lệ thất thoát, tăng sản lượng tiêu thụ cho năm 2026 như sau:

- Năm 2026, Công ty dự kiến triển khai kế hoạch đầu tư với tổng mức khoảng 61,79 tỷ đồng, tập trung vào các nhóm nhiệm vụ chính: thay thế, di dời và quản lý đồng hồ; cải tạo, thay thế và mở rộng mạng lưới cấp nước tại Pleiku và Ayun Pa; thiết lập DMA và giảm thất thoát nước; nâng cấp, sửa chữa và thay thế thiết bị tại nhà máy, trạm bơm, đặc biệt là khu vực Nhà máy nước Biển Hồ; đồng thời đầu tư một số hạng mục phụ trợ nhằm nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống.



- Kế hoạch đầu tư được xây dựng phù hợp với nhu cầu phát triển hệ thống cấp nước, định hướng chỉnh trang đô thị và khả năng cân đối tài chính của Công ty, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

#### **5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)**

#### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường & xã hội của công ty**

##### **a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường**

Công ty luôn kết hợp các nghiên cứu tác động môi trường trong giai đoạn lựa chọn, xây dựng và phát triển dự án.

Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng thiết bị máy móc, trực mạng cấp nước 24/7 để kịp thời sửa chữa khắc phục các sự cố trên mạng cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước.

Áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp đảm bảo chất lượng nước đúng theo quy chuẩn về cấp nước sạch của Bộ y tế đồng thời đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường.

##### **b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Tăng cường nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập cho người lao động, Ban Điều hành công ty đã thực hiện tái cấu trúc hệ thống quản lý, xây dựng hệ thống lương khoán việc.

Tổng kết đánh giá kết quả lao động trong năm, Ban điều hành có những hình thức khen thưởng riêng đối với những lao động xuất sắc, tạo động lực nâng cao năng suất trong công việc.

##### **c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

Kết hợp với địa phương thực hiện tốt các trách nhiệm của doanh nghiệp về đảm bảo an ninh khu vực. Công ty còn quan tâm đến các hoạt động xã hội như: Trao quà tặng cho con em người lao động có thành tích tốt trong học tập, ủng hộ quỹ vì người nghèo, tặng quà cho những gia đình nghèo, có hoàn cảnh khó khăn,...

Trong năm, Công ty đã triển khai hoạt động lắp đặt trụ nước uống miễn phí tại các khu vực công cộng, góp phần cải thiện điều kiện tiếp cận nước sạch cho người dân và nâng cao chất lượng đời sống dân cư.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, Ban điều hành Công ty bám sát theo các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Công ty có nhiều biện pháp tích cực trong công tác quản lý, có kế hoạch kinh doanh cho từng giai đoạn, nhờ đó Công ty đạt được hầu hết các kế hoạch đề ra.

Công tác tài chính, kế toán được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

Tổng giám đốc và Ban điều hành đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ trong điều hành các hoạt động của Công ty, chuẩn bị các nội dung báo cáo và trình HĐQT xem xét, phê duyệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát đều được thông tin kịp thời về tình hình hoạt động của Công ty.

Việc Công bố thông tin luôn tuân thủ quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công ty.

Công ty luôn đặt mục tiêu nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng; nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng nước tại địa bàn quản lý lên 100%.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

Ban Giám đốc thực hiện công tác điều hành đúng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định; thực hiện nghiêm túc các kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Tổng Giám đốc công ty đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT đề ra. Tổng Giám đốc luôn theo sát và có những điều chỉnh phù hợp trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nắm bắt kịp thời những vướng mắc, tồn tại để có những biện pháp xử lý hợp lý.

Ban Tổng Giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi, khó khăn của Công ty, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động kinh doanh thường ngày, ban hành các văn bản tài liệu theo đúng thẩm quyền nhằm định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và kiểm soát tốt các rủi ro. Đồng thời báo cáo tới hội đồng quản trị để HĐQT thực hiện công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Rà soát, cập nhật các thay đổi của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, tổ chức xây dựng đồng bộ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty theo đúng hướng dẫn của các văn bản pháp luật mới ban hành;



Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy chế khác;

Ban điều hành Công ty tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh Gia Lai nhằm triển khai đồng bộ việc phát triển hệ thống cấp nước gắn với quy hoạch đô thị tại Pleiku và các khu vực liên quan. Việc đầu tư theo định hướng quy hoạch giúp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo cung cấp nước sạch ổn định, đồng thời tối ưu chi phí đầu tư.

Công ty tăng cường phối hợp với các đơn vị trong hệ thống để triển khai các giải pháp giảm thất thoát nước, trọng tâm là thiết lập và vận hành các khu vực DMA, kiểm soát mạng lưới và nâng cao hiệu quả quản lý vận hành, phấn đấu tiếp tục giảm tỷ lệ thất thoát trong thời gian tới.

Công ty chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước thông qua việc mở rộng mạng lưới, cải tạo và thay thế hệ thống đường ống, lắp đặt đồng hồ đo nước và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và chăm sóc khách hàng. Qua đó, chất lượng dịch vụ từng bước được cải thiện, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng nước trên địa bàn.

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh, Công ty định hướng tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin vào quá trình sản xuất và quản lý. Đồng thời, Hội đồng quản trị tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát việc triển khai các nghị quyết liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, quản trị nội bộ và quản lý nguồn nhân lực, đảm bảo thực hiện đúng định hướng phát triển của Công ty.

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực cấp nước – một dịch vụ thiết yếu, hoạt động kinh doanh của Công ty có tính ổn định cao và ít chịu tác động từ các biến động kinh tế vĩ mô. Đồng thời, lợi thế cung cấp nước trên địa bàn Pleiku và Ayun Pa tiếp tục là nền tảng quan trọng để Công ty duy trì tăng trưởng ổn định và phát triển bền vững trong thời gian tới.

## **1. Hội đồng quản trị**

### **a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

Stt	Thành viên	Chức vụ	Số cổ phần có quyền biểu quyết/tỷ lệ
1	Ông Hà Phước Tuấn	Chủ tịch HĐQT	4.820.900/26,78%
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	4.590.000/25,50%



3	Ông Hồ Ánh Hồng	Thành viên HĐQT	3.600.000/20,05%
4	Ông Lê Văn Luyện	Thành viên HĐQT	4.590.000/25,50%
5	Ông Trịnh Ba Duy	Thành viên HĐQT	0/0%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Hà Phước Tuấn	8/8	100%	Không có
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	8/8	100%	Không có
3	Ông Hồ Ánh Hồng	8/8	100%	Không có
4	Ông Lê Văn Luyện	8/8	100%	Không có
5	Ông Trịnh Ba Duy	8/8	100%	Không có

d) Các Nghị quyết của HĐQT Công ty trong năm 2025:

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2025/NQ/HĐQT	15/01/2025	Thông qua thời gian, địa điểm và nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên 2025	100%
2	02/2025/NQ/HĐQT	31/03/2025	Thông nhất thời gian, địa điểm và tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên 2025	100%
3	03/2025/NQ/HĐQT	24/04/2025	Thông nhất bầu Ông Hà Phước Tuấn giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022–2027	100%
4	04/2025/NQ/HĐQT	29/04/2025	Thông qua việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Công ty	100%
5	05/2025/NQ/HĐQT	26/05/2025	Thông nhất thông qua nội dung phân phối quỹ khen thưởng Ban điều hành	100%

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
6	06/2025/NQ/HĐQT	02/06/2025	Thông nhất thông qua đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025	100%
7	07/2025/NQ/HĐQT	30/12/2025	Thông nhất thông qua nội dung tái bổ nhiệm Ban điều hành Công ty	100%

**e) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập**

Các thành viên HĐQT độc lập tham dự đầy đủ các cuộc họp và các hoạt động của HĐQT. Các thành viên tham gia xem xét, nghiên cứu và đóng góp ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT làm cơ sở ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan.

**2. Ban Kiểm soát**

**a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.**

Stt	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
01	Hồ Thị Xuân	Trưởng ban BKS	Là thành viên BKS từ ngày 08/01/2024	Cử nhân kinh tế
02	Lê Huy Hoàng	Thành viên BKS	Là thành viên BKS từ ngày 15/04/2022	Cử nhân Kinh doanh ngoại thương
03	Nguyễn Thị Quỳnh	Thành viên BKS	Là thành viên BKS từ ngày 15/04/2022	Cao đẳng kinh tế

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát**

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát (“BKS”) đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Giám đốc (“BGĐ”), giám sát việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) và các Nghị quyết HĐQT. Theo đó HĐQT có 5 thành viên, đảm bảo cơ cấu phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ Công ty; đồng thời HĐQT tổ chức các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các quyết định theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm 2025, HĐQT đã tiến hành 8 cuộc họp và ban hành 7 Nghị quyết, quyết định để thực hiện kế hoạch kinh doanh cũng như các nội dung mà ĐHĐCĐ thường niên 2025 đã thông qua. Theo đánh giá của BKS, các quyết định của HĐQT là phù hợp với

chủ trương, định hướng về chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã quyết định thông qua.

Chủ tịch cùng các thành viên HĐQT đã tích cực triển khai, thực hiện nhiệm vụ được phân công, kịp thời nghiên cứu và có các Nghị quyết, quyết định nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện BGD triển khai hoạt động kinh doanh và/hoặc xử lý các tồn tại, khó khăn vướng mắc trong hoạt động kinh doanh. Giám sát hoạt động quản trị và hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Kiểm tra tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Kiểm tra quá trình thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2025

Kiểm tra việc công bố thông tin của Công ty được đầy đủ trung thực và tuân thủ theo quy định của Pháp luật.

Thường xuyên trao đổi với HĐQT, BGD về tình hình sản xuất kinh doanh, triển khai dự án đầu tư, thay thế dòng ống và tình hình quản trị nguồn nhân lực.

Kiểm soát tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, chứng từ kế toán, hợp đồng kinh tế, hợp đồng xây dựng, hợp đồng lao động nhằm đảm bảo tính đúng đắn và minh bạch trong hoạt động tài chính.

Tổ chức kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên đảm bảo công tác này được thực hiện nghiêm túc, chính xác và đúng thủ tục theo Luật định.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

#### a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

(ĐVT: đồng/tháng)

STT	Chức danh	Mức thù lao
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	
1	Chủ tịch HĐQT	5.000.000
2	Thành viên HĐQT	3.000.000
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>	
1	Trưởng Ban Kiểm soát	3.000.000
2	Thành viên Ban Kiểm soát	2.000.000



- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty chú trọng thực hiện tốt những quy định liên quan đến quản trị công ty. Công ty xây dựng Điều lệ sửa đổi thay thế Thông qua Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 27/08/2021.

## **VI. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

Trích văn bản Số 25-11-062-2 ngày 20/03/2026 của CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM) về Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai (đính kèm)

#### **Ý kiến kiểm toán viên:**

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

Báo cáo tài chính kiểm toán đính kèm

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH**



- TỔNG GIÁM ĐỐC**
- 
- NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH**



# **Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán độc lập**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

# Nội dung

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 24

# Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

## Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## Kiểm toán

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

## Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Ngọc Tiến	Chủ tịch	Ngày 15 tháng 4 năm 2022	Ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Hà Phước Tuấn	Chủ tịch	Ngày 24 tháng 4 năm 2025	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên	Ngày 8 tháng 1 năm 2024	-
Ông Lê Văn Luyện	Thành viên	Ngày 8 tháng 1 năm 2024	-
Ông Nguyễn Khánh Duy	Thành viên	Ngày 8 tháng 1 năm 2024	Ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Đình Vinh	Thành viên	Ngày 15 tháng 4 năm 2022	Ngày 24 tháng 4 năm 2025
Ông Trịnh Ba Duy	Thành viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2025	-
Ông Hồ Ánh Hồng	Thành viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2025	-

### Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Tổng Giám đốc	Ngày 9 tháng 1 năm 2024	-
Ông Nguyễn Đình Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 11 năm 2023	-
Ông Phạm Xuân Hào	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 11 năm 2023	-
Ông Trịnh Ba Duy	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 11 năm 2024	-

### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Hồ Thị Xuân	Trưởng ban	Ngày 8 tháng 1 năm 2024	-
Ông Lê Huy Hoàng	Thành viên	Ngày 15 tháng 4 năm 2022	-
Bà Nguyễn Thị Quỳnh	Thành viên	Ngày 15 tháng 4 năm 2022	-



## Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng báo cáo tài chính đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Áp dụng chính sách kế toán thích hợp với các ước tính và xét đoán thận trọng, hợp lý và được áp dụng thống nhất;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về việc Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp; và
- Kiểm soát và điều hành Công ty hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty, do vậy có những bước thích hợp để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các điều bất thường.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty tuân thủ theo các yêu cầu trên trong việc trình bày báo cáo tài chính.

## Báo cáo của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, cùng với các thuyết minh đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Tổng Giám đốc

Gia Lai, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

## Báo cáo kiểm toán độc lập

về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Grant Thornton (Vietnam) Limited  
18th Floor  
Hoa Binh International Office Building  
106 Hoang Quoc Viet Street  
Nghĩa Do Ward, Hanoi  
Vietnam  
T +84 24 3850 1686  
F +84 24 3850 1688

Số 25-11-062-2

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, các cổ đông  
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai ("Công ty"), lập vào ngày 20 tháng 3 năm 2026, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, cùng với bản tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thuyết minh khác, như được trình bày từ trang 5 đến trang 24.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện bởi Ban Giám đốc cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)**


**Nguyễn Tuấn Nam**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0808-2023-068-1  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 3 năm 2026



**Nguyễn Văn Chương**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 6431-2023-068-1  
Kiểm toán viên



# Bảng cân đối kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	31 tháng 12 năm 2024 VNĐ
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản ngắn hạn		100	27.513.102.880	44.330.043.558
Tiền và các khoản tương đương tiền	5	110	20.063.867.366	21.563.057.141
Tiền		111	2.163.867.366	795.819.470
Các khoản tương đương tiền		112	17.900.000.000	20.767.237.671
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	120	500.000.000	16.270.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	500.000.000	16.270.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn		130	1.723.901.476	2.477.637.014
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	131	680.799.179	737.444.380
Trả trước cho người bán ngắn hạn	9	132	57.672.000	579.912.210
Phải thu ngắn hạn khác	8	136	1.256.692.097	1.402.075.461
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	(271.261.800)	(241.795.037)
Hàng tồn kho	10	140	3.915.214.383	3.821.215.435
Hàng tồn kho		141	3.915.214.383	3.821.215.435
Tài sản ngắn hạn khác		150	1.310.119.655	198.133.968
Chi phí trả trước ngắn hạn	12	151	21.562.497	55.309.130
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	1.197.166.126	59.540.806
Thuế và các khoản phải thu từ Nhà nước	17	153	91.391.032	83.284.032
Tài sản dài hạn		200	185.673.542.349	162.750.922.430
Các khoản phải thu dài hạn		210	22.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	8	216	22.000.000	-
Tài sản cố định		220	177.730.754.217	157.732.046.641
Tài sản cố định hữu hình	13	221	177.380.716.614	157.170.452.278
- Nguyên giá		222	490.543.029.251	458.757.009.244
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	(313.162.312.637)	(301.586.556.966)
Tài sản cố định vô hình	14	227	350.037.603	561.594.363
- Nguyên giá		228	1.692.454.091	1.692.454.091
- Giá trị hao mòn lũy kế		229	(1.342.416.488)	(1.130.859.728)
Tài sản dở dang dài hạn		240	2.210.863.602	427.303.192
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	242	2.210.863.602	427.303.192
Tài sản dài hạn khác		260	5.709.924.530	4.591.572.597
Chi phí trả trước dài hạn	12	261	2.950.935.251	1.802.885.117
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	11	263	2.758.989.279	2.788.687.480
<b>Tổng tài sản</b>		270	<b>213.186.645.229</b>	<b>207.080.965.988</b>

# Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	31 tháng 12 năm 2024 VNĐ
<b>NGUỒN VỐN</b>				
Nợ phải trả		300	12.375.342.667	9.060.283.562
Nợ ngắn hạn		310	12.375.342.667	9.060.283.562
Phải trả người bán ngắn hạn	16	311	3.512.835.746	2.410.782.783
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	8.949.000	6.357.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	313	3.587.003.915	3.801.864.932
Phải trả người lao động	18	314	3.315.991.899	2.025.805.392
Chi phí phải trả ngắn hạn		315	538.450.540	471.388.261
Phải trả ngắn hạn khác		319	36.118.314	267.435.500
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	322	1.375.993.253	76.649.694
Vốn chủ sở hữu		400	200.811.302.562	198.020.682.426
Vốn chủ sở hữu	20, 21	410	200.811.302.562	198.020.682.426
Vốn cổ phần	21	411	180.000.000.000	180.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		412	3.940.051.378	3.940.051.378
Quỹ đầu tư phát triển		418	3.116.266.942	375.175.915
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421	13.754.984.242	13.705.455.133
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		421a	-	1.262.687.792
- Lợi nhuận sau thuế năm nay		421b	13.754.984.242	12.442.767.341
<b>Tổng nguồn vốn</b>		440	<b>213.186.645.229</b>	<b>207.080.965.988</b>

Gia Lai, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Tổng Giám đốc

Trương Thị Thành  
Người lập/Kế toán trưởng

# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ
Doanh thu bán hàng	23	01	72.892.265.567	71.833.657.748
Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng		10	72.892.265.567	71.833.657.748
Giá vốn hàng bán	24, 28	11	(48.241.826.739)	(47.552.816.091)
Lợi nhuận gộp về bán hàng		20	24.650.438.828	24.280.841.657
Doanh thu hoạt động tài chính	25	21	1.413.005.479	1.274.820.108
Chi phí tài chính		22	-	(464.119)
Chi phí bán hàng	26, 28	25	(4.351.698.205)	(4.482.367.243)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	27, 28	26	(7.281.671.290)	(6.823.129.335)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30	14.430.074.812	14.249.701.068
Thu nhập khác	29	31	2.851.551.532	1.437.147.095
Chi phí khác		32	(9.517.825)	(10.787.464)
Lợi nhuận khác		40	2.842.033.707	1.426.359.631
Lợi nhuận kế toán trước thuế	30	50	17.272.108.519	15.676.060.699
Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	51	(3.517.124.277)	(3.233.293.358)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30	52	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	20	60	13.754.984.242	12.442.767.341
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	70	764	582

Gia Lai, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Tổng Giám đốc

Trương Thị Thành  
Người lập/Kế toán trưởng



# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế		01	17.272.108.519	15.676.060.699
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao tài sản cố định		02	12.529.137.963	11.752.821.903
Thay đổi các khoản dự phòng		03	29.466.763	163.659.609
Lãi từ hoạt động đầu tư		05	(1.602.876.466)	(1.274.820.108)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		08	28.227.836.779	26.317.722.103
Thay đổi các khoản phải thu		09	(1.179.164.909)	2.741.650.013
Thay đổi hàng tồn kho		10	(1.847.861.157)	(815.214.345)
Thay đổi các khoản phải trả		11	1.976.421.531	2.943.591.835
Thay đổi chi phí trả trước		12	(1.114.303.501)	(1.094.198.248)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		15	(3.735.795.101)	(1.173.843.350)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		17	(665.020.547)	(144.104.210)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20	21.662.113.095	28.775.603.798
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		21	(31.910.284.577)	(6.272.763.677)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		22	363.636.364	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		23	(500.000.000)	(37.110.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		24	16.270.000.000	37.840.000.000
Lãi tiền gửi nhận được		27	1.619.306.843	2.395.790.803
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30	(14.157.341.370)	(3.146.972.874)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền chi trả nợ gốc vay		34	-	(549.614.014)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		36	(9.003.961.500)	(5.397.178.500)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		40	(9.003.961.500)	(5.946.792.514)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		50	(1.499.189.775)	19.661.838.410
Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	60	21.563.057.141	1.881.218.731
Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	70	20.063.867.366	21.563.057.141

Gia Lai, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

  
  
**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**  
Tổng Giám đốc

  
**Trương Thị Thành**  
Người lập/Kế toán trưởng

# Bản thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

## 1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai ("Công ty") là công ty được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai, hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900189614 cấp lần đầu ngày 1 tháng 11 năm 2010 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai và các lần sửa đổi sau đó với lần gần nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 7 ngày 9 tháng 1 năm 2024 để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 180.000.000.000 VNĐ được chia thành 18.000.000 cổ phần bằng nhau với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thi công xây lắp sửa chữa công trình cấp thoát và dân dụng; và
- Kinh doanh vật tư và các dịch vụ chuyên ngành cấp thoát nước.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 388 đường Lý Thái Tổ, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số nhân viên của Công ty là 96 người (31 tháng 12 năm 2024: 107 người).

## 2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

### 2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

## 3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các khoản mục của báo cáo tài chính được lập và trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính của Công ty không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

## 4. Chính sách kế toán áp dụng

### 4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

#### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền kỳ quỹ, kỳ cược tại ngân hàng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

#### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có khả năng không thu hồi được các khoản đầu tư này. Tổn thất từ việc không thu hồi được khoản đầu tư, nếu chưa được trích lập dự phòng, được ghi nhận vào chi phí trong kỳ và giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

#### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

#### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v..) có thể xảy ra đối với vật tư, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

##### Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì nguyên giá ban đầu được tính bằng cách lấy tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Nguyên giá TSCĐ hình thành qua xây dựng cơ bản bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.



#### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

	<b>Năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 30
Máy móc, thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 8

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

#### **4.7 Tài sản cố định vô hình**

##### **Phần mềm**

Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

#### **4.8 Tài sản dở dang dài hạn**

##### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là toàn bộ trị giá tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản đang bao gồm chi phí nhà cửa, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Khấu hao không được trích trong giai đoạn này mà chỉ được trích khi việc xây dựng và lắp đặt đã hoàn thành và tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng dự định mà khi đó các chi phí liên quan mới được chuyển thành tài sản cố định hữu hình.

#### **4.9 Chi phí trả trước**

##### **Công cụ, dụng cụ**

Công cụ dụng cụ bao gồm tài sản được Công ty nắm giữ để sử dụng cho kỳ kinh doanh thông thường có nguyên giá dưới 30 triệu VNĐ và không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 quy định về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 1 năm đến 3 năm.

##### **Chi phí thay thế đồng hồ đo nước định kỳ**

Chi phí thay thế đồng hồ đo nước định kỳ được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

##### **Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

#### **4.10 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là các thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường nên không được phân loại là hàng tồn kho. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá.

#### **4.11 Khoản phải trả và chi phí trích trước**

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

#### **4.12 Các khoản dự phòng nợ phải trả**

Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại

ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

#### **4.13 Lợi ích nhân viên**

Công ty tham gia quỹ phúc lợi với mức đóng góp xác định bắt buộc của Chính phủ Việt Nam theo các quy định pháp luật hiện hành về lao động, việc làm và các lĩnh vực liên quan, được quản lý bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam thông qua các cơ quan Bảo hiểm Xã hội địa phương. Các khoản phúc lợi bắt buộc này bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Tại cơ quan bảo hiểm xã hội địa phương, Công ty chỉ trả phần nghĩa vụ của mình về các khoản phúc lợi bắt buộc này và thay mặt đối tượng tham gia các khoản phúc lợi bắt buộc thanh toán phần nghĩa vụ thuộc về họ.

Đối tượng tham gia, phương thức tính toán, kê khai và chi trả các nghĩa vụ liên quan đến các khoản phúc lợi bắt buộc được thực hiện cho từng giai đoạn cụ thể căn cứ các quy định hiện hành có liên quan. Công ty không có nghĩa vụ chi trả đối với quỹ phúc lợi hưu trí dành cho nhân viên.

Công ty không tham gia bất kỳ quỹ phúc lợi với mức phúc lợi xác định nào.

#### **4.14 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **4.15 Vốn chủ sở hữu**

##### **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần thể hiện giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu đã phát hành mà các cổ đông thực mua.

##### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư nhận được từ việc phát hành cổ phiếu được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành cổ phiếu được khấu trừ khỏi phần thặng dư, bù trừ với bất kỳ khoản trợ cấp thuế thu nhập nào.

##### **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

##### **Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Công ty tại thời điểm báo cáo.

##### **Cổ tức**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **4.16 Doanh thu**

##### **Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu tiền, ước tính hợp lý của giá vốn hoặc khả năng hàng hóa bị trả lại.

##### **Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.



#### **Thu nhập tiền lãi**

Thu nhập tiền lãi gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở theo tỉ lệ thời gian sử dụng phương pháp lãi suất hiệu lực.

#### **4.17 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

#### **4.18 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Nghĩa vụ/Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bảng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

#### **4.19 Các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm nhà đầu tư và công ty mẹ cuối cùng và các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

#### **4.20 Công cụ tài chính**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng các Chuẩn mực Lập và trình bày Báo cáo tài chính Quốc tế ("IFRS") về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh đối với các công cụ tài chính theo IFRS, do vậy việc ghi nhận và đánh giá các tài sản và khoản nợ thể hiện trên báo cáo tài chính của Công ty vẫn tuân theo quy định của Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

#### **Phân loại**

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thành các nhóm sau đây:

Đối với tài sản tài chính:

- Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ
- Tài sản tài chính được giữ đến ngày đáo hạn
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu



Đối với các khoản nợ tài chính:

- Nợ tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ
- Nợ tài chính khác ghi nhận theo giá trị phân bổ

#### 4.21 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

#### 4.22 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

#### 4.23 Phân loại tài sản và nợ phải trả thành ngắn hạn hoặc dài hạn

Tài sản và nợ phải trả được phân loại thành ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán theo kỳ hạn còn lại của tài sản và nợ phải trả đó tại ngày của bảng cân đối kế toán, ngoại trừ cách thức phân loại đặc thù và/hoặc đã được định trước trong Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

#### 4.24 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	31 tháng 12 năm 2024 VNĐ
<b>Tiền</b>		
Tiền mặt tại quý	19.965.782	19.308.213
Tiền gửi ngân hàng	2.143.901.584	776.511.257
	<b>2.163.867.366</b>	<b>795.819.470</b>
<b>Các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	17.900.000.000	20.767.237.671
	<b>20.063.867.366</b>	<b>21.563.057.141</b>

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng với lãi suất từ 2,7% đến 4,7%/năm (31 tháng 12 năm 2024: dao động từ 2,7% đến 4,74%/năm).

## 6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	31 tháng 12 năm 2024 VNĐ
Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn (i)	500.000.000	16.270.000.000

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 4,7%/năm (31 tháng 12 năm 2024: dao động từ 4,0% đến 5,0%/năm).

## 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	VNĐ	VNĐ
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt tại địa bàn Phường Pleiku	569.852.032	645.971.989
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt tại địa bàn Phường Ayunpa	74.438.897	86.677.391
Khác	36.508.250	4.795.000
	680.799.179	737.444.380

## 8. Phải thu khác

	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	VNĐ	VNĐ
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu lãi tiền gửi dự thu	113.541.097	319.842.461
Ban Quản lý các Dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố Pleiku	446.951.000	1.049.033.000
Ký quỹ ngắn hạn	15.200.000	15.200.000
Tạm ứng cho nhân viên	681.000.000	18.000.000
	1.256.692.097	1.402.075.461
<b>Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	22.000.000	-
	1.278.692.097	1.402.075.461

## 9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần Kỹ thương Xây lắp An Phát	-	529.400.000
Trả trước cho người bán khác	57.672.000	50.512.210
	57.672.000	579.912.210

## 10. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2025		31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	3.915.214.383	-	3.821.215.435	-
	3.915.214.383	-	3.821.215.435	-

## 11. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31 tháng 12 năm 2025		31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	2.758.989.279	-	2.788.687.480	-
	2.758.989.279	-	2.788.687.480	-

## 12. Chi phí trả trước

	31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	31 tháng 12 năm 2024 VNĐ
<b>Ngắn hạn</b>		
Khác	21.562.497	55.309.130
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí thay thế đồng hồ đo nước định kỳ	2.013.195.338	1.019.777.349
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	115.935.400	117.910.225
Công cụ, dụng cụ	627.608.348	522.316.400
Khác	194.196.165	142.881.143
	2.950.935.251	1.802.885.117
	2.972.497.748	1.858.194.247

## 13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VNĐ	Thiết bị, dụng cụ quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>					
1 tháng 1 năm 2025	102.968.924.417	101.185.023.440	253.959.214.660	643.846.727	458.757.009.244
Mua trong năm	-	362.269.000	-	-	362.269.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	720.852.057	11.147.005.831	20.471.484.028	-	32.339.341.916
Thanh lý	-	-	(915.590.909)	-	(915.590.909)
31 tháng 12 năm 2025	103.689.776.474	112.694.298.271	273.515.107.779	643.846.727	490.543.029.251
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1 tháng 1 năm 2025	(73.068.376.364)	(76.374.569.569)	(151.685.757.931)	(457.853.102)	(301.586.556.966)
Khấu hao trong năm	(2.980.621.172)	(2.218.155.943)	(7.074.840.683)	(43.963.405)	(12.317.581.203)
Thanh lý	-	-	741.825.532	-	741.825.532
31 tháng 12 năm 2025	(76.048.997.536)	(78.592.725.512)	(158.018.773.082)	(501.816.507)	(313.162.312.637)
<b>Giá trị còn lại</b>					
1 tháng 1 năm 2025	29.900.548.053	24.810.453.871	102.273.456.729	185.993.625	157.170.452.278
31 tháng 12 năm 2025	27.640.778.938	34.101.572.759	115.496.334.697	142.030.220	177.380.716.614

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có một số tài sản với nguyên giá khoảng 11.389 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (31 tháng 12 năm 2024: 9.447 triệu VNĐ) nhưng vẫn đang sử dụng.



#### 14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VNĐ
<b>Nguyên giá</b>	
1 tháng 1 năm 2025	1.692.454.091
31 tháng 12 năm 2025	1.692.454.091
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
1 tháng 1 năm 2025	(1.130.859.728)
Hao mòn trong năm	(211.556.760)
31 tháng 12 năm 2025	(1.342.416.488)
<b>Giá trị còn lại</b>	
1 tháng 1 năm 2025	561.594.363
31 tháng 12 năm 2025	350.037.603

#### 15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ
Số dư đầu năm	427.303.192	608.336.111
Chi phí phát sinh trong năm	34.236.179.158	6.165.271.322
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	(32.339.341.916)	(6.331.592.887)
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(14.711.354)
Chuyển sang hàng tồn kho	(6.596.832)	-
Điều chỉnh khác	(106.680.000)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.210.863.602</b>	<b>427.303.192</b>
Trong đó:		
Mở rộng và cải tạo hệ thống cấp nước	1.539.675.000	398.017.081
Lập đặt đồng hồ tổng DMA	563.340.000	-
Công trình khác	107.848.602	29.286.111
	<b>2.210.863.602</b>	<b>427.303.192</b>

#### 16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2025		31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
<b>Phải trả người bán là các bên thứ ba</b>				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật ENVIRO	763.107.371	763.107.371	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Hoàng Phúc	100.398.550	100.398.550	754.392.550	754.392.550
Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi Gia Lai	134.812.755	134.812.755	116.973.990	116.973.990
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Trung	133.920.000	133.920.000	494.640.000	494.640.000
Công ty TNHH MTV Nguyễn Thịnh Phước	37.434.100	37.434.100	487.204.947	487.204.947
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây lắp An Phát	658.091.128	658.091.128	32.652.200	32.652.200
Công ty TNHH Nông Lâm nghiệp Phố Núi	153.439.000	153.439.000	-	-
Khác	70.035.074	70.035.074	92.730.128	92.730.128
	<b>2.051.237.978</b>	<b>2.051.237.978</b>	<b>1.978.593.815</b>	<b>1.978.593.815</b>

	31 tháng 12 năm 2025		31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán là bên liên quan (Thuyết minh 31)</b>				
Công ty Cổ phần nhựa Đồng Nai	183.848.238	183.848.238	-	-
Công ty Cổ phần DNP Hawaco Miền Nam	95.741.860	95.741.860	2.682.900	2.682.900
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	1.182.007.670	1.182.007.670	429.506.068	429.506.068
	1.461.597.768	1.461.597.768	432.188.968	432.188.968
	3.512.835.746	3.512.835.746	2.410.782.783	2.410.782.783

## 17. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	31 tháng 12 năm 2025			Trong năm	31 tháng 12 năm 2024
	Giá trị	Số phải nộp/ Phải thu	Số thực nộp/ Bù trừ	Phân loại lại	Giá trị
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế phải thu</b>					
Thuế giá trị gia tăng	91.391.032	-	-	8.107.000	83.284.032
	91.391.032	-	-	8.107.000	83.284.032
<b>Thuế phải nộp</b>					
Thuế giá trị gia tăng	-	4.141.239.721	(4.141.239.721)	-	-
Thuế giá trị gia tăng vắng lai	-	17.829.000	(25.936.000)	8.107.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	26.655.015	428.043.008	(422.023.091)	-	20.635.098
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.014.622.534	3.517.124.277	(3.735.795.101)	-	3.233.293.358
Thuế tài nguyên	24.682.522	325.033.625	(325.780.948)	-	25.429.845
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	521.043.844	6.159.651.765	(6.161.114.552)	-	522.506.631
	3.587.003.915	14.588.921.396	(14.811.889.413)	8.107.000	3.801.864.932

## 18. Phải trả người lao động

	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	VND	VND
Lương	1.080.191.899	128.805.392
Thưởng	2.235.800.000	1.897.000.000
	3.315.991.899	2.025.805.392

## 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	76.649.694	1.436.101
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	1.964.364.106	219.317.803
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi	(665.020.547)	(144.104.210)
Số dư cuối năm	1.375.993.253	76.649.694

## 20. Nguồn vốn chủ sở hữu

Thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm như dưới đây:

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư, 1 tháng 1 năm 2024	180.000.000.000	3.940.051.378	375.175.915	6.882.005.595	191.197.232.888
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(219.317.803)	(219.317.803)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.400.000.000)	(5.400.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	12.442.767.341	12.442.767.341
31 tháng 12 năm 2024	180.000.000.000	3.940.051.378	375.175.915	13.705.455.133	198.020.682.426
Số dư, 1 tháng 1 năm 2025	180.000.000.000	3.940.051.378	375.175.915	13.705.455.133	198.020.682.426
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	2.741.091.027	(2.741.091.027)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	(1.964.364.106)	(1.964.364.106)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	13.754.984.242	13.754.984.242
Số dư, 31 tháng 12 năm 2025	180.000.000.000	3.940.051.378	3.116.266.942	13.754.984.242	200.811.302.562

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025, Công ty thực hiện chia cổ tức của năm 2024 theo tỉ lệ 5%/vốn điều lệ và trích lập quỹ đầu tư phát triển.

(\*\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025, Công ty trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành và Quỹ khen thưởng, phúc lợi lần lượt là 2% và 13,79% từ lợi nhuận sau thuế của năm 2024. Chi tiết như sau:

	Số tiền VND
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	248.855.347
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.715.508.759
	1.964.364.106

## 21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	31 tháng 12 năm 2025			31 tháng 12 năm 2024		
	Số lượng cổ phiếu	VND	Tỷ lệ	Số lượng cổ phiếu	VND	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	9.180.000	91.800.000.000	51,00%	9.180.000	91.800.000.000	51,00%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	8.420.900	84.209.000.000	46,78%	8.420.900	84.209.000.000	46,78%
Cổ đông khác	399.100	3.991.000.000	2,22%	399.100	3.991.000.000	2,22%
	18.000.000	180.000.000.000	100%	18.000.000	180.000.000.000	100%

Cổ phiếu phát hành:

	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	18.000.000	18.000.000
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000



Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng cho một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tại từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

## 22. Lãi trên cổ phiếu

### Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	13.754.984.242	12.442.767.341
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.964.364.106)
	13.754.984.242	10.478.403.235
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm	18.000.000	18.000.000
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	764	582

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông được trình bày lại sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

## 23. Doanh thu

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu cung cấp nước sạch	64.936.066.863	64.842.844.440
Doanh thu lắp đặt, cải tạo hệ thống nước sạch	7.878.774.489	6.744.042.953
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư ngành nước	77.424.215	246.770.355
	72.892.265.567	71.833.657.748

## 24. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn cung cấp nước sạch	42.927.344.814	42.776.607.286
Giá vốn lắp đặt, cải tạo hệ thống nước sạch	5.248.195.163	4.621.095.810
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư ngành nước	66.286.762	155.112.995
	48.241.826.739	47.552.816.091

## 25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi, cho vay	1.413.005.479	1.274.820.108
	1.413.005.479	1.274.820.108

## 26. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.287.569.820	3.555.750.971
Chi phí khấu hao tài sản cố định	212.677.697	211.556.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	851.450.688	715.059.512
	4.351.698.205	4.482.367.243

## 27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.357.427.355	4.865.419.773
Chi phí khấu hao tài sản cố định	363.978.587	397.842.660
Thuế, phí và lệ phí	7.965.474	10.784.100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.002.785.480	946.558.194
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	46.461.409	169.885.796
Chi phí khác	503.052.985	432.638.812
	7.281.671.290	6.823.129.335

## 28. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	20.251.199.976	21.664.129.181
Chi phí nhân công	16.524.938.149	15.623.599.712
Chi phí khấu hao	12.529.137.963	11.752.821.903
Thuế, phí, lệ phí	52.141.170	57.172.346
Chi phí dự phòng	46.461.409	169.885.796
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.911.075.201	8.856.103.403
Chi phí khác	560.242.366	734.600.328
	59.875.196.234	58.858.312.669

## 29. Thu nhập khác

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ hỗ trợ di dời hệ thống cấp nước sinh hoạt	2.060.350.000	833.938.890
Phí bảo vệ môi trường giữ lại	601.259.880	600.396.706
Thanh lý tài sản cố định	189.870.987	-
Các khoản thu nhập khác	70.665	2.811.499
	2.851.551.532	1.437.147.095

### 30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### Thuế suất

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Nhà nước theo thuế suất thuế TNDN phổ thông trên thu nhập chịu thuế. Theo Quy định hiện hành, thuế suất TNDN phổ thông là 20%.

#### Chi phí thuế hiện hành

Chi phí thuế TNDN trong năm được tính như sau:

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.272.108.519	15.676.060.699
Điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	301.004.155	490.406.089
<b>Thu nhập chịu thuế hiện hành ước tính</b>	<b>17.573.112.674</b>	<b>16.166.466.788</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN ước tính	3.514.622.534	3.233.293.358
Thuế TNDN bổ sung của các năm trước (*)	2.501.743	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.517.124.277</b>	<b>3.233.293.358</b>

(\*) Khoản điều chỉnh thuế bổ sung của các năm trước theo Biên bản kiểm tra thuế của Chi Cục Thuế khu vực XIV ngày 27 tháng 11 năm 2025.

Việc tính toán chi phí thuế TNDN hiện hành còn phụ thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế địa phương.

#### Thuế TNDN hoãn lại

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 vì Công ty không phát sinh chênh lệch tạm thời đáng kể tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### 31. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các bên liên quan chủ yếu như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ liên quan với Công ty
1	Công ty Cổ phần DNP Holding	Công ty mẹ cấp cao nhất
2	Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Công ty mẹ cấp hai
3	Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Công ty mẹ
4	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	Cổ đông lớn
5	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Pleiku	Công ty liên kết trong tập đoàn
6	Công ty Cổ phần DNP Hawaco Miền Nam	Công ty chung kiểm soát
7	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Công ty chung kiểm soát
8	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Eco Việt Nam	Công ty chung kiểm soát

Ngoài ra, Công ty có các bên liên quan là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát như trình bày tại trang 1.



Trong năm, Công ty đã thực hiện các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Bản chất giao dịch	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
		VND	VND
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Mua nguyên vật liệu	769.444.550	829.977.740
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Mua nước sạch	13.447.060.095	13.449.002.280
Công ty Cổ phần DNP Hawaco	Mua nguyên vật liệu	2.844.628.000	911.701.000
Miền Nam	Mua máy móc, thiết bị	3.727.205.000	1.122.126.000
	Mua hóa chất	39.603.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Chi trả cổ tức	4.590.000.000	2.754.000.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	Chi trả cổ tức	4.210.450.000	2.526.270.000
Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Eco Việt Nam	Thi công xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị	3.308.967.593	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	31 tháng 12 năm 2025	31 tháng 12 năm 2024
	VND	VND
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh 16)</b>		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	1.182.007.670	429.506.068
Công ty Cổ phần DNP Hawaco Miền Nam	95.741.860	2.682.900
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	183.848.238	-
	<b>1.461.597.768</b>	<b>432.188.968</b>

### 32. Thuyết minh về các giao dịch không bằng tiền bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định chưa thanh toán	1.559.031.149	1.297.104.810

### 33. Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Trong năm, thu nhập và thù lao nhận được của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

		Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
		VND	VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>	<b>Chức vụ</b>		
Ông Phạm Ngọc Tiến	Chủ tịch	20.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Đình Vinh	Thành viên	12.000.000	36.000.000
Ông Lê Văn Luyện	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Khánh Duy	Thành viên	12.000.000	36.000.000
Bà Hồ Ánh Hồng	Thành viên	24.000.000	-
Ông Hà Phước Tuấn	Thành viên	40.000.000	-
Ông Trịnh Ba Duy	Thành viên	24.000.000	-
		<b>204.000.000</b>	<b>204.000.000</b>

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
<b>Ban Giám đốc</b>		
Ông Nguyễn Văn Thành	-	7.826.087
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	508.655.347	449.573.913
Ông Nguyễn Đình Vĩnh	388.100.000	319.400.000
Ông Phạm Xuân Hào	399.100.000	319.400.000
	<b>1.295.855.347</b>	<b>1.096.200.000</b>
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Bà Hồ Thị Xuân	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Huy Hoàng	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh	24.000.000	24.000.000
	<b>84.000.000</b>	<b>84.000.000</b>
	<b>1.583.855.347</b>	<b>1.384.200.000</b>

### 34. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính năm hiện tại được lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm kết thúc cùng ngày. Các số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được mang sang từ báo cáo tài chính được lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được kiểm toán.


### 35. Sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính


Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty được trình bày trong Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 hoặc kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### 36. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê duyệt để phát hành.

Gia Lai, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

  
Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Tổng Giám đốc

  
Trương Thị Thành  
Người lập/Kế toán trưởng

